

BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO CÁC CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TẠI VIỆT NAM TỪ SỰ ĐỔ VỖ CỦA CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH NÔNG NGHIỆP II

Phan Thị Linh*

Tóm tắt

Trong thời gian qua, đặc biệt từ năm 2009 đến nay, hoạt động cho thuê tài chính của các công ty cho thuê tài chính Việt Nam đã có những biến động rất đáng được quan tâm. Điển hình là hoạt động của Công ty cho thuê tài chính nông nghiệp II (ALC II) có tỷ lệ nợ xấu 100%, mất khả năng thanh khoản. Nguyên cơ đổ vỡ của ALC II là điều tất yếu và hậu quả là ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, giảm uy tín của ngân hàng mẹ, ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư. Rõ ràng, hoạt động của ALC II kém hiệu quả do các nguyên nhân xuất phát từ cơ chế chính sách của Chính phủ, của NHNN&PTNT, sự biến động của nền kinh tế thế giới... Bên cạnh đó còn có các nguyên nhân từ phía người đi thuê, nhà cung ứng tài sản thuê, trình độ và tư cách đạo đức của cán bộ thẩm định tài sản cho thuê của ALC II. Trước những nguyên nhân trên, Chính phủ, NHNN, NHNN&PTNT phải có những giải pháp có tính thực tiễn để hạn chế rủi ro trong hoạt động cho thuê tài chính của ALC II, nhằm phát triển hoạt động cho thuê tài chính của ALC II trong thời gian tới.

Từ khóa: Cho thuê tài chính, đổ vỡ, rủi ro.

Đặt vấn đề

Thực tế cho thấy rủi ro trong hoạt động cho thuê tài chính là điều không thể tránh khỏi. Theo định nghĩa mà Hiệp hội cho thuê tài chính (2009) đưa ra “Rủi ro hoạt động cho thuê tài chính là những tổn thất mà công ty cho thuê tài chính phải gánh chịu khi bên thuê không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo cam kết tại hợp đồng cho thuê tài chính”. Và hoạt động cho thuê tài chính của ALC II cũng không ngoại lệ.

Tuy nhiên, để đánh giá được đầy đủ rủi ro hoạt động cho thuê tài chính thì trước hết cần tìm ra nguyên nhân chính xác gây ra rủi ro. Hiện

nay, rủi ro trong hoạt động của ALC II có những đặc thù riêng như: vấn đề pháp lý của ALC II, rủi ro thanh khoản do không cân đối được thời hạn của nguồn vốn đi vay và thời hạn đầu tư tài sản cho thuê, rủi ro nhân sự, rủi ro cổ phần hóa, rủi ro từ nhà cung ứng tài sản cho thuê... Chính vì vậy, việc phân tích nguyên nhân gây ra rủi ro trong hoạt động cho thuê tài chính của ALC II, từ đó rút ra bài học cho các Công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam là điều hết sức cần thiết và cũng là mục tiêu của bài viết.

1. Mô hình quản trị điều hành của ALC II

Mô hình quản trị điều hành của ALC II trải qua 3 giai đoạn: Giai đoạn hoạt động theo mô hình không có Hội đồng quản trị, giai đoạn có Hội đồng quản trị nhưng do Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam kiêm nhiệm và giai đoạn có Hội đồng quản trị riêng của ALCII.

Giai đoạn 1: Từ khi thành lập đến 6/2003.

Giai đoạn Công ty hoạt động theo mô hình không có Hội đồng quản trị. Theo mô hình này Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật, trực tiếp quản lý, chỉ đạo điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty theo điều lệ và cơ chế quản lý do Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam ban hành hoặc hướng dẫn, được NHNN chuẩn y.

Giai đoạn 2: Từ tháng 6/2003 đến tháng 4/2006.

Giai đoạn có hội đồng quản trị nhưng do Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam kiêm nhiệm. Theo quyết định 516/2003/QĐ-NHNN ngày 26/5/2003 của Thống đốc NHNN thì Công ty phải có Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong giai đoạn này Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam kiêm nhiệm quản trị, kiểm soát ALCII,

* Phan Thị Linh, Tiến sỹ, Khoa Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh.

Giám đốc Công ty chỉ đạo điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty theo những cơ chế do Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam ban hành, hướng dẫn được NHNN chuẩn y.

Giai đoạn 3: Từ tháng 5/2006 đến tháng 12/2014

Giai đoạn có Hội đồng quản trị riêng. Công ty có Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát riêng. Mặc dù có hội đồng quản trị riêng, nhưng giai đoạn từ tháng 5/2006 đến tháng 12/2008 Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Trong giai đoạn này, Hội đồng quản trị Công ty đã sửa đổi, ban hành điều lệ mới, được Thống đốc NHNN chuẩn y ngày 18/6/2007. Theo đó đã có sự điều chỉnh quan trọng trong thẩm quyền ban hành Điều lệ Công ty và một số cơ chế quản lý, tách rời tương đối vai trò quản lý, kiểm soát của Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam đối với Công ty và cũng duy trì mô hình hoạt động này cho đến năm 2014.

Tháng 8/2013 theo Quyết định số 328/2013/QĐ/HĐQT của Hội đồng quản trị NHNo&PTNT Việt Nam về việc ban hành Quy chế tạm thời tổ chức và hoạt động của Ủy ban quản lý rủi ro Công ty cho thuê tài chính II-NHNo&PTNT Việt Nam. Nhiệm vụ của Ủy Ban quản lý rủi ro là báo cáo thường kỳ quý về các rủi ro liên quan đến hoạt động của ALC II.

2. Các loại rủi ro chủ yếu của ALC II

Thứ nhất: Rủi ro về vấn đề pháp lý của ALC II

- Theo quy định của Luật doanh nghiệp 2005 kể từ ngày 01/7/2010 các doanh nghiệp nhà nước phải chuyển sang mô hình Công ty cổ phần hoặc Công ty TNHH một thành viên. Tuy nhiên, ALC II hiện đang tạm dừng cổ phần hóa, chưa có quyết định chính thức là sẽ tiếp tục cổ phần hóa hay chuyển sang mô hình TNHH một thành viên. Vì vậy, pháp nhân hiện nay của ALC II không phù hợp với Luật doanh nghiệp.

- ALC II là một tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 không có loại hình Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp nhà nước. Vì vậy pháp nhân hiện nay của ALC II

không phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Hầu hết các quy định pháp luật hiện hành không có quy định đối với loại hình là doanh nghiệp nhà nước vì theo quy định loại hình doanh nghiệp này không được tồn tại nữa vì vậy Điều lệ của ALC II hiện có nhiều nội dung không phù hợp với các quy định hiện hành nhưng không có cơ sở để sửa đổi.

Thứ hai: Rủi ro từ việc ALC II đề nghị được kiểm soát đặc biệt để có cơ chế đặc biệt trong quá trình xử lý nợ nhưng chưa được phê duyệt

Việc ALC II đề nghị Agribank, Agribank đề nghị NHNN Việt Nam kiểm soát đặc biệt ALCII nhưng chưa được phê duyệt cũng làm nguyên nhân rủi ro rất lớn cho các cán bộ tác nghiệp tại ALC II.

Theo quy định, ALC II phải được kiểm soát đặc biệt hoặc có cơ chế đặc biệt để xử lý nợ hoặc phá sản nhưng chưa được áp dụng bất cứ cơ chế đặc biệt nào, nên thực tế các cán bộ tác nghiệp, đặc biệt là cán bộ làm công tác kinh doanh, thu hồi, xử lý tài sản trong và ngoài nước, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản, thi hành án... vừa làm, vừa đề xuất xử lý nhiều vấn đề mới phát sinh không có trong quy trình, quy chế xử lý thông thường của ALC II. Điều này gây rủi ro cho cán bộ cũng như lãnh đạo nếu các đoàn kiểm tra, giám sát, kiểm toán thậm chí là cơ quan điều tra (nếu có) cứng nhắc chiếu theo các quy định hiện hành của một đơn vị hoạt động bình thường.

Thứ ba: Rủi ro trong công tác thanh khoản

- Do ALC II mất thanh khoản nghiêm trọng nên một số chủ nợ đã khởi kiện ALC II ra tòa và có trường hợp đã có bản án, thi hành án. Việc cơ quan thi hành án liên tục ngăn chặn chuyển nhượng, kê biên tài sản ALC II thu hồi, phong tỏa tài khoản để thi hành các bản án cho các chủ nợ làm ảnh hưởng đến hoạt động cũng như kết quả xử lý, thu hồi nợ của ALC II. Nhưng nếu trường hợp khách hàng không khởi kiện sẽ không được ưu tiên, sẽ thiệt thòi, dẫn đến có sự không công bằng, và như vậy sẽ dẫn đến nguy cơ các khách hàng đồng loạt gây áp lực hoặc khởi kiện ALC II, ALC II sẽ không đủ nhân lực và chi phí để xử lý.

Bảng 1. Mức vốn huy động và dư nợ, tỷ lệ nợ xấu**của các công ty CTTC của Việt Nam** Đơn vị: Triệu đồng, %

Công ty CTTC	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
	Vốn huy động	Dư nợ	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Vốn huy động	Dư nợ	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Vốn huy động	Dư nợ	Tỷ lệ nợ xấu (%)
ALCI	825.082	1.148.117	68	700.942	1.318.120	73	613.368	1.208.347	72
ALCII	6.391.020	6.826.966	96	5.918.693	5.637.628	99	5.666.208	4.462.374	100
BLC	2.349.898	2.561.076	11	2.322.996	2.269.768	9	2.324.709	2.100.749	8
ILC	438.559	1.437.576	3	651.699	1.566.080	2	437.421	1.443.362	2
VLC	1.027.101	1.346.345	5	1.226.485	1.612.200	4	1.706.352	2.004.371	3
SLC	825.210	964.165	1	901.159	988.964	1	991.180	1.236.078	1
ACBLC	658.677	925.245	0	542.723	972.934	0	609.436	947.582	5
Vinashin LC	889.960	330.974	98	887.900	321.865	99	845.365	285.139	100
Tổng cộng	13.405.507	15.540.464		13.152.597	14.687.559		13.194.039	13.688.002	

Nguồn: Hiệp hội cho thuê tài chính Việt Nam.

Qua bảng số liệu trên cho thấy hoạt động của ALC I, ALC II, Vinashin LC có chỉ tiêu về dư nợ, huy động vốn giảm do các Công ty tập trung vào việc cơ cấu lại nợ, không đẩy mạnh tăng trưởng cho thuê. Giai đoạn 2012-2014 các Công ty cho thuê tài chính này hoạt động kém hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu chiếm 100% và đang có nguy cơ đổ vỡ.

Thứ tư: Rủi ro về nhân sự

- Do có nhiều biến động về nhân sự, định hướng hoạt động của ALC II chưa rõ ràng... vì thế đã ảnh hưởng rất lớn đến việc ổn định nhân sự trong Công ty, công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ trong Công ty. Phương án xử lý ALC II chậm được phê duyệt làm cho một bộ phận người lao động hoang mang, dao động, nghi ngờ vào tương lai của Công ty, sẽ có một số cán bộ làm việc chưa khoa học, hiệu quả công việc chưa cao, ảnh hưởng đến kết quả thu hồi nợ, thu hồi tài sản...

- Kỷ cương điều hành đôi lúc chưa kiên quyết dẫn đến một số các văn bản chỉ đạo phải nhắc nhở nhiều lần nhưng chưa có biện pháp xử lý.

- Công tác đào tạo chưa được thực hiện toàn

diện, chất lượng kiểm tra kiểm toán chưa cao.

Thứ năm: Rủi ro về cổ phần hóa

- Hiện nay ALC II không được chuyển thành Công ty cổ phần nhưng cũng chưa được duyệt dừng cổ phần hoá để trả lại vốn góp cho nhà đầu tư, các nhà đầu tư liên tục đòi tiền ALCII, một số nhà đầu tư đã khởi kiện ALC II ra tòa, trường hợp khởi kiện của tập đoàn Mai linh đã được thi hành án. Nếu không được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, sẽ rất khó khăn và phức tạp cho ALC II.

- Việc thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ và tài sản cố định nằm trong danh mục tài sản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: theo quy định thì trong giai đoạn đang cổ phần hóa Công ty không được thanh lý. Tuy nhiên, thời điểm xác định giá trị các tài sản của ALC II từ 30/6/2007 đến nay đã gần 7 năm. Bản thân ALC II cũng không biết có còn nằm trong giai đoạn cổ phần hóa nữa hay không? Đối với các tài sản này đã hư hỏng nếu thanh lý thì cũng không biết có đúng với quy định hay không nhưng nếu không thanh lý thì lại tốn thêm chi phí bảo quản, cất giữ, thậm chí có tài sản còn có nguy cơ để

gây cháy nổ.

Thứ sáu: Rủi ro từ việc ALC II được cơ quan cảnh sát điều tra giao cho trông giữ, bảo quản tang vật vụ án: (như tàu Tinro -2, khu đất và tài sản gắn liền trên đất tại trạm dừng chân Mai Linh, Cái Bè, Tiền Giang...)

Đối với các tài sản là tang vật của vụ án mà Cơ quan cảnh sát điều tra giao cho ALC II trông giữ, bảo quản, ALC II phải trả chi phí bảo vệ, trông giữ, tiền điện nước, bảo hiểm trong suốt thời gian từ khi cơ quan cảnh sát điều tra giao cho ALC II trông giữ đến khi xét xử sơ thẩm, phúc thẩm có hiệu lực, thời gian kéo dài từ 01 đến 02 năm. ALC II tốn rất nhiều chi phí nhưng không được tòa tuyên bên nào phải trả cho ALC II (mặc dù ALC II đã yêu cầu ngay tại tòa), rủi ro ALC II phải tự chịu những chi phí này khá cao.

Thứ bảy: Một số rủi ro khác trong quá trình xử lý nợ tại ALC II

- Các quy định của Nhà nước hoặc ngành liên quan về giá hay phí trông giữ tàu biển từng khu vực, từng loại không có, nên cán bộ tác nghiệp chỉ căn cứ vào báo giá của 3-4 đơn vị dịch vụ để chọn 1 đơn vị dịch vụ có giá thấp nhất để thực hiện. Tuy nhiên không có cơ sở nào chứng minh được là giá dịch vụ đó là phù hợp, mặc dù chi phí trông giữ tàu ở từng vị trí, từng khu vực, tỉnh thành, điều kiện trông giữ... là khác nhau và cán bộ tác nghiệp hiện đã đàm phán ký hợp đồng dịch vụ với giá giảm rất nhiều so với năm 2010-2011 khi mới xử lý tàu biển.

- Theo các quy định về chọn đơn vị cung cấp, ký dịch vụ phải có từ 03 báo giá trở lên. Tuy nhiên, việc chào phí dịch vụ bảo hiểm tàu biển bắt giữ neo đậu tại cảng hoặc khu neo trong thời gian xử lý bán đấu giá cũng có rủi ro cho cán bộ tác nghiệp, vì thực tế sau thời gian thực hiện mời chào đơn vị báo giá, ký hợp đồng dịch vụ bảo hiểm tàu neo đậu trong thời gian trông giữ tàu chờ bán đấu giá trong điều kiện tàu hết đăng kiểm thì thực tế chỉ có bảo hiểm MIC và PTI chấp thuận bán bảo hiểm với điều kiện mở rộng tàu hết đăng kiểm neo đậu không hành thủy, còn tất cả các công ty bảo hiểm khác như: Bảo Minh, ABIC, MIC, Bảo Việt... đều không bán bảo hiểm cho loại hình này. Vì vậy thời gian đầu cán bộ tác nghiệp gửi báo giá phí dịch vụ thì một trong các đơn vị bảo hiểm Bảo Minh, ABIC,

MIC, Bảo Việt... còn gửi văn bản trả lời không cung cấp dịch vụ + MIC và PTI trả lời đồng ý cung cấp dịch vụ. Nhiều lần sau các đơn vị Bảo Minh, ABIC, MIC, Bảo Việt... không có văn bản trả lời nữa. Thực tế chỉ có 02 đơn vị gửi báo giá nếu căn cứ vào quy định thì lại sai quy trình, gây rủi ro cho cán bộ tác nghiệp và lãnh đạo phê duyệt...

- Trong quá trình cán bộ tác nghiệp đi công tác trong nước, ngoài nước để xử lý thu hồi tàu biển gặp rất nhiều rủi ro đến pháp lý khi đi làm việc ở nước ngoài vì không thật sự giỏi tiếng anh chuyên ngành, luật lệ địa phương, luật hàng hải. Do vậy quá trình đàm phán, xử lý nợ với nước ngoài, thu thập chứng từ bằng tiếng nước ngoài để thu hồi tàu biển gặp rất nhiều rủi ro vì không được đào tạo chuyên sâu và đủ hiểu biết chuyên môn để xử lý hết các công việc phát sinh, do vậy nếu có vấn đề sơ sót trong quá trình xử lý, trách nhiệm cá nhân cho cán bộ tác nghiệp, lãnh đạo đi xử lý cực kỳ lớn.

- Khi xử lý tàu ở trong và ngoài nước, nhất là tàu bị bên thuê bỏ rơi lâu ngày thủy thủ không có lương, không được cung cấp lương thực, thực phẩm... đang cực kỳ mạnh động, việc cán bộ tác nghiệp và lãnh đạo đến làm việc trực tiếp để thu hồi tàu, yêu cầu họ rời tàu mà không có cơ chế trả lương, một phần tiền nợ cho thuyền viên thì rất dễ bị thuyền viên hành hung, mạnh động gây nguy hiểm đến thân thể và tính mạng cán bộ tác nghiệp, lãnh đạo đi xử lý.

Rủi ro tương tự trong quá trình cán bộ tác nghiệp đi thu hồi các tài sản khác là ô tô, xà lan, xáng cạp, máy móc thiết bị khác rất dễ bị bên thuê hoặc bên thứ ba đã mua lại tài sản từ bên thuê hành hung khi bị thu hồi tài sản.

- Theo quy định, khi khách hàng vi phạm hợp đồng cho thuê, không trả được nợ thì Công ty phải thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc thu hồi tài sản gặp khó khăn do các nguyên nhân: tài sản bị bán, cầm cố, chiếm giữ, bắt giữ vì nợ nần dây dưa, đặc biệt là các tàu biển nợ rất nhiều như: sửa chữa, phí cảng, tiền vay đại lý, tiền hao hụt hàng hóa, tiền dầu, tiền lương, tiền bảo hiểm...

Các quy chế về chi phí thu hồi tài sản, không có. Nếu thực hiện thì nguy cơ vi phạm rất cao, còn nếu không thực hiện để thu hồi tài sản thì sẽ

xảy ra tài sản mất hoặc xuống cấp, xuống giá sẽ gây ra tổn thất.

- Hiện nay việc thực hiện ứng chi phí để thu hồi tàu bị nước ngoài bắt giữ thực hiện theo công văn số 838/NHNN của Ngân hàng nhà nước. Trong trường hợp tàu đang đi hoạt động ở nước ngoài, chưa bị bắt giữ, ALC II muốn kiểm tra hoặc muốn đưa về Việt nam thì chưa có cơ chế để ứng chi phí thực hiện. Mà nếu không thực hiện thì trong trường hợp tài sản bị xuống cấp, khách hàng vi phạm thì nguy cơ dẫn đến thất thoát tài sản là rất cao.

- Việc mua bảo hiểm đối với tài sản cho thuê thu hồi cho phù hợp với giá trị thực tế của tài sản trên thị trường trên cơ sở chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực. Nếu mua theo giá chứng thư thì trong trường hợp có rủi ro, bảo hiểm chỉ bồi thường theo giá trị mua bảo hiểm, còn nếu mua toàn phần thì chi phí cao trong lúc khách hàng khó khăn sẽ làm ảnh hưởng đến khách hàng. Các trường hợp khách hàng không có tiền để mua bảo hiểm... nếu có rủi ro xảy ra thì trách nhiệm của cán bộ làm công tác này là rất lớn.

- Công tác kiểm tra tài sản: Hiện nay công tác kiểm tra tài sản cho thuê được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất phù hợp với tình hình thực tế từng loại tài sản và từng trường hợp khách hàng đảm bảo quản lý được tài sản cho thuê kịp thời. Nếu quy định chặt chẽ thì khó thực hiện và rủi ro về pháp luật cho cán bộ. Nhưng quy định không chặt chẽ thì cán bộ cho thuê không chủ động cũng sẽ rủi ro thất thoát tài sản.

3. Nguyên nhân dẫn đến sự đổ vỡ của ALC II

Thứ nhất: Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế

Khủng hoảng kinh tế thế giới bùng nổ, nhiều nước, nhiều ngành kinh tế sa sút, trong đó có Việt Nam, đặc biệt ngành vận tải biển toàn thế giới bị ảnh hưởng nặng nề, sản lượng hàng hóa vận chuyển giảm sút, việc xuất khẩu than ở phía Bắc bị hạn chế, đã ảnh hưởng nặng nề đối với nhiều khách hàng của ALC II, trong đó khách hàng thuê tàu biển là nặng nề nhất.

Thứ hai: Những khó khăn về hệ thống chính sách, pháp luật và các văn bản dưới luật, các quy định

Tuy các cơ năng quản lý vĩ mô, các ban ngành

hữu quan đã cố gắng tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho nghiệp vụ CTTC phát triển nhưng kết quả đạt được chưa khả quan. Các ban ngành hữu quan thực sự chưa có sự phối hợp nhịp nhàng đồng bộ như các chính sách thuế, chính sách nhập khẩu tài sản, quy định về đăng ký sở hữu chưa được quy định một cách rõ nét, cụ thể, thông thoáng. Môi trường pháp lý của CTTC đang trong từng bước hoàn thiện nên không thể tránh khỏi những mâu thuẫn, thiếu sót và thiếu đồng bộ. Chính những khó khăn về hành lang pháp lý của hoạt động CTTC trong giai đoạn đầu này dẫn đến việc triển khai thực hiện nghiệp vụ đôi khi còn lúng túng và mất nhiều thời gian để giải quyết.

Thứ ba: Mô hình quản trị chưa thật chặt chẽ

Mặc dù Công ty có Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát riêng. Từ tháng 5/2006, nhưng Chủ tịch Hội đồng quản trị NHNo&PTNT Việt Nam đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty. Do kiêm nhiệm, chủ tịch HĐQT ít quan tâm ban hành các cơ chế quản lý. Trong kinh doanh Hội đồng quản trị định hướng đầu tư không rõ ràng. Tổng giám đốc Công ty đẩy tăng trưởng cho thuê và đầu tư quá nóng, tập trung quá nhiều vào tàu biển và cần cầu tải trọng lớn với thời hạn cho thuê quá dài, dẫn tới buộc phải huy động vốn lớn với lãi suất cao, thậm chí cao hơn nhiều so với lãi suất cho thuê và mất cân đối về thời hạn.

Việc sửa đổi, ban hành điều lệ mới đã có sự điều chỉnh quan trọng trong thẩm quyền ban hành Điều lệ Công ty và một số cơ chế quản lý, tách rời tương đối vai trò quản lý, kiểm soát của NHNo&PTNT Việt Nam đối với Công ty. Bộ máy kiểm tra kiểm soát không thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ, không kịp thời tổ chức kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn những vi phạm phát sinh.

Tổ chức và hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ: chưa thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc ban kiểm soát theo quy định tại quyết định 37/QĐ-NHNN ngày 1/8/2006 của Thống đốc NHNN. Số lượng cán bộ kiểm tra còn rất thiếu so với quy mô và mạng lưới hoạt động của Công ty. Kiểm tra mới dừng ở việc phát hiện những sai sót trong hồ sơ kế toán mà chưa thực hiện được việc cảnh báo về những rủi ro trong hoạt động cho thuê, hoạt động đầu tư, hoạt động huy động

vốn...chưa có những kiến nghị mang tính kiên quyết, đặc biệt về những rủi ro đã và đang xảy ra.

Thứ tư: Cơ chế hoạt động còn những hạn chế nhất định

Văn bản của NHNN: Các văn bản của NHNN quy định và hướng dẫn về công tác báo cáo hay xử lý nghiệp vụ trong các tổ chức tín dụng thường quen về chỉ đạo nghiệp vụ của ngân hàng truyền thống. Khi thực hiện Công ty cho thuê thường lúng túng trong việc vận dụng văn bản hoặc nhận thức về văn bản chưa chuẩn, do vậy khi làm công tác thông tin báo cáo, hoặc xử lý nghiệp vụ còn gặp vướng mắc.

Văn bản của Công ty: Theo quy định tại điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các chính sách, chế độ, quy chế của nhà nước. Tại Công ty đã ban hành một số cơ chế, quy định về nghiệp vụ cho thuê. Tuy nhiên Công ty còn ban hành thiếu một số văn bản như: Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, quy định quy trình nội bộ về quản trị rủi ro, quy định về góp vốn mua cổ phần, văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình, thủ tục xây dựng phương án giới hạn cho thuê cho 1 nhóm khách hàng. Một số cơ chế ban hành còn có khiếm khuyết dẫn đến khi thực hiện còn có nguy cơ rủi ro.

Thứ năm: Định hướng đầu tư sai lầm

ALC II đã đầu tư quá nhiều vào lĩnh vực tàu biển, đầu tư quá nhiều vào các Công ty cổ phần, Công ty TNHH mới thành lập vốn ít, thiếu kinh nghiệm, một số nhóm khách hàng không có khả năng khai thác tài sản, năng lực tài chính yếu kém, đang có nợ quá hạn không trả được, khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, dẫn đến khả năng thất thoát lớn của một số nhóm khách hàng có dư nợ khá lớn.

Thứ sáu: Vận dụng quy trình, quy chế gây thiệt hại hoặc bất lợi cho công ty

Vận dụng quy trình, quy chế gây thiệt hại hoặc bất lợi cho Công ty như nghiệp vụ đầu tư mua tài sản cho thuê. Việc đầu tư mua tài sản thuê bản chất việc tạm ứng cho nhà cung ứng để mua tài sản thuê. Thời gian đầu khi ký hợp đồng mua bán tài sản thuê, Công ty thường ứng ở tỷ lệ 5-10%. Trong thời gian nhà cung ứng sản xuất tài sản, nếu nhà cung ứng thiếu vốn Công ty bảo

lãnh cho nhà cung ứng vay vốn tại ngân hàng. Tuy nhiên trong giai đoạn từ năm 2008, Công ty đã vận dụng việc tạm ứng này để cho nhà cung ứng ứng trước với tỷ lệ quá nhiều, điều kiện ứng tiền quá dễ, dẫn đến chất lượng tài sản thuê không đạt so yêu cầu. Hậu quả là nhiều tài sản thuê đưa vào khai thác một thời gian ngắn đã phải sửa chữa, bên thuê không khai thác được, không có nguồn trả nợ, nợ lãi và gốc tồn đọng nhiều.

Nhiều trường hợp khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, tiền đầu tư vào tài sản thuê rất ít, hoặc không hình thành tài sản thuê.

Thứ bảy: Chưa xây dựng chính sách quản trị rủi ro

Tại ALC II chưa thành lập một bộ phận làm công tác rủi ro. Chưa xây dựng chính sách quản trị rủi ro. Xây dựng kế hoạch kinh doanh thường là ngắn hạn, không có chiến lược lâu dài, chưa tính toán và điều hành theo các tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn.

Chưa tính toán và quản trị rủi ro về độ lệch kỳ hạn nguồn vốn huy động và sử dụng cho thuê. Việc không tính toán và quản trị rủi ro về độ lệch kỳ hạn nguồn vốn huy động và sử dụng cho thuê trong khi chỉ vay tín dụng ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại, huy động được nguồn vốn tiền gửi chủ yếu trong thời hạn 1 – 2 năm, tối đa là 5 năm nhưng ALC II vẫn đẩy mạnh cho thuê tàu biển đa phần với thời hạn bình quân là 13 năm, thậm chí tàu chưa đóng xong đã đến hạn hoàn trả nguồn vốn huy động. Do vậy công ty cho thuê tài chính phải đối mặt với vấn đề thanh khoản cùng lúc với sự giảm sút lợi nhuận và thậm chí bị lỗ.

Thứ tám: Trình độ năng lực cán bộ chuyên quản còn hạn chế thiếu kinh nghiệm, một số cán bộ còn vi phạm quy trình nghiệp vụ

Một số cán bộ cho thuê chưa lường hết được các yếu tố rủi ro trong quá trình thẩm định, nhất là giá cả cho thuê, chủ yếu dựa vào thỏa thuận giữa nhà cung ứng và bên thuê hoặc chứng thư giám định (đối với tài sản cũ) không tham khảo kỹ giá cả của tài sản cùng loại trên thị trường dẫn đến khách hàng bị lợi dụng nâng giá, đẩy rủi ro cho Công ty ngay từ đầu.

Cán bộ làm công tác cho thuê vi phạm quy trình nghiệp vụ. Trong vài năm gần đây có nhiều

hiện tượng thực hiện không đầy đủ quy trình nghiệp vụ cho thuê; biết rõ bên thuê, bên cung ứng không minh bạch về giá, sử dụng vốn sai mục đích nhưng không có biện pháp xử lý; một vài trường hợp mua và cho thuê lại không chuyển quyền sở hữu tài sản sang bên cho thuê; bàn giao tài sản cho thuê không đầy đủ, chặt chẽ; thiếu đơn đốc thu hồi nợ; cho thuê thêm cả đối với khách hàng đang có nợ quá hạn, mới thành lập, chưa có kinh nghiệm nghề nghiệp. Tất cả những vi phạm trên đã dẫn đến kết quả thu nợ ngày càng thấp, nợ xấu ngày càng cao, nhiều khách hàng chây ì không trả nợ.

Trong khi cho thuê tàu biển đang ngày càng nhiều (năm 2009 chiếm trên 70% tổng dư nợ và đầu tư) nhưng toàn Công ty không có cán bộ nào có kiến thức sâu hoặc được đào tạo về kỹ thuật tàu biển hay kinh tế hàng hải, tất cả thông tin có liên quan đến tàu biển đều từ bên thuê hoặc nhà cung cấp trao đổi lại, nên thường theo hướng có lợi cho bên thuê và nhà cung ứng. Rất nhiều Hợp đồng cho thuê tàu biển và đóng tàu có những điều khoản bất lợi cho ALC II. Ứng tiền cho nhà cung ứng không theo tiến độ đóng tàu, ứng 80 – 90% giá trị con tàu ngay sau khi ký Hợp đồng, trong khi quá trình đóng tàu rất dài, phải trải qua nhiều công đoạn đòi hỏi kiểm tra kiểm soát rất gắt gao của cơ quan đăng kiểm.

Thứ chín: Bên thuê lợi dụng kẽ hở của pháp luật Bên thuê có thể thành lập doanh nghiệp mới để thuê thêm, thuê được nhiều, vô hiệu hóa quy định về mức cho thuê tối đa đối với một khách hàng, một nhóm khách hàng.

Thuê tàu cũ sau đó chuyển đổi đối tác, đầu tư nâng cấp, hoán cải dẫn đến khó khăn trong việc xác định giá trị thực của con tàu.

Không trung thực trong cung cấp thông tin về doanh nghiệp, về kết quả kinh doanh, không gửi báo cáo tài chính theo quy định.

Nhiều trường hợp chây ì, cố tình không trả nợ, sử dụng vốn sai mục đích. Bán tài sản không thuộc quyền sở hữu của mình cho ALC II để thuê lại. Cố tình bán tài sản thuộc sở hữu của ALC II, lấy tiền sử dụng trái phép, không trả nợ. Cố tình bỏ tài sản, coi như không còn trách nhiệm, coi việc thu hồi tài sản là việc của ALC II.

Thứ mười: Nhà cung ứng năng lực yếu

Nhiều nhà cung ứng chỉ vì lợi nhuận đã cung cấp thông tin thiếu trung thực về khả năng cung ứng, nhận cung ứng tài sản nhưng không đủ năng lực thực hiện lại giao cho đơn vị khác thực hiện. Thiếu minh bạch trong xác định giá cả cung ứng, nhất là đối với tàu biển và cần cầu tải trọng lớn.

Thứ mười một: Bên thuê thông đồng với nhà cung ứng

Một số trường hợp bên thuê thông đồng với nhà cung ứng để nâng giá tài sản để không phải đặt cọc, ký cược hoặc để lấy số tiền chênh lệch sử dụng vào mục đích khác. Điều này dẫn đến giá trị tài sản thấp hơn dư nợ, tiềm ẩn nhiều rủi ro về phía ALC II.

4. Bài học rút ra cho các Công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam

Một là: Tập trung công tác chấn chỉnh việc quản lý hồ sơ cho thuê, tăng cường kiểm tra tài sản, tình hình hoạt động của khách hàng ở các nhóm nợ xấu để có giải pháp tháo gỡ khó khăn hoặc xử lý thu hồi tài sản kịp thời. Kiên quyết xử lý thu hồi đối với các tài sản không được mua bảo hiểm để hạn chế rủi ro.

Hai là: Rà soát lại các doanh nghiệp đã khởi kiện, xem xét các bản án đã có hiệu lực pháp luật để đơn đốc thi hành án và thu hồi tài sản; tiếp tục bổ sung, hoàn thành các hồ sơ khởi kiện, tố cáo dở dang đối với các trường hợp khách hàng chây ì, thiếu hợp tác.

Ba là: Chỉ đạo việc lập kế hoạch tổng thể và chi tiết trong kiểm tra thực tế tài sản cho thuê.

Bốn là: Kiên quyết trong việc xử lý cán bộ vi phạm trong việc tuân thủ các chỉ đạo điều hành của lãnh đạo.

Năm là: Tăng cường công tác đào tạo để nâng cao nhận thức cũng như khả năng xử lý vấn đề của cán bộ.

Sáu là: Xem xét cụ thể năng lực của nhà cung ứng tài sản và người đi thuê tài sản tài chính.

Bảy là: Hàng tháng phải kiểm tra mức độ sử dụng và mục đích sử dụng tài sản tài chính của bên đi thuê.

Tám là: Có những biện pháp xử lý kịp thời đối với những trường hợp đi thuê, như không sử dụng tài sản đúng mục đích, chây ì trong việc thanh toán tiền thuê, lợi dụng kẽ hở của pháp luật.

5. Lời kết

Trong thời gian qua hoạt động của các Công ty cho thuê tài chính ở Việt Nam chưa thực sự hiệu quả, cụ thể như: Khả năng huy động vốn thấp, mức dư nợ tăng cao, tỷ lệ nợ xấu lớn, khả năng thanh khoản thấp, ít chi nhánh hoạt động... Song, trong phạm vi bài viết tác giả chỉ dừng lại ở việc phân tích nguyên nhân gây ra sự đổ vỡ của ALC II mà chưa phân tích nguyên nhân gây ra sự đổ vỡ của một số Công ty cho thuê tài chính khác như Vinashin LC. Sự sụp đổ của ALC II đã làm thiệt hại lớn về ngân sách của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Hiệp hội cho thuê tài chính Việt Nam, hệ thống ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cá nhân tham gia góp vốn vào ALC II... Từ những phân tích trên, tuy chưa đủ nhưng cũng cho người đọc hiểu được một phần nào về nguyên nhân gây ra sự đổ vỡ của ALC II. Có lẽ điểm mấu chốt lớn nhất ở ALC II vẫn là sự “Thiếu trách nhiệm” của một số cán bộ làm việc

ở ALC II và đó cũng là bài học quý báu cho các công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chính Phủ (2014), Nghị định 39/2014/NĐ-CP Về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính.
- Hiệp hội cho thuê tài chính, Báo cáo tài chính năm 2012, 2013, 2014.
- Ngân hàng nhà nước (2006), Thông tư 07/2006/TT-NHNN Hướng dẫn về hoạt động mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2001/NĐ-Cp và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP.
- Ngân hàng nhà nước chi nhánh TP. HCM (2012, 2013, 2014), Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động các công ty cho thuê tài chính có hội sở chính trên địa bàn TP. HCM
- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam- Công ty cho thuê tài chính II: Ủy ban Quản lý rủi ro: V/v: báo cáo của Ủy ban rủi ro, năm 2012, 2013, 2014